

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THẠNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 12-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

Bà Nguyễn Ngọc Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Tý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Thông báo số 189/2024/TB.TA ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc thay đổi thời gian xét xử đối với bị cáo:

Trần Văn T; Sinh ngày: 17/8/1999; Nơi sinh: tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp G, xã P, P, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp G, xã P, P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con của ông Trần Văn T1, sinh năm: 1975; và bà Phạm Thị D, sinh năm: 1979; Vợ, con: Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 174/2019/QĐ-TA trong thời hạn 14 tháng; Khi T đang cai nghiện tại Cơ

sở cai nghiện tỉnh Bình Dương thì bị Tòa án nhân dân Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 29/4/2020 xử phạt T 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/02/2021, đã được xóa án tích; Ngày 03/01/2024 T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T, tỉnh Bình Dương ban hành Bản kết luận điều tra số 02/ĐTTH đề nghị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định Điều 173 Bộ luật Hình sự, vụ án chưa được xét xử. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị hại*: anh Nguyễn Chí T2, sinh năm: 1996. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Bị hại vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: chị Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm: 2000. Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 22/9/2023, Trần Văn T cùng một người thanh niên tên Huỳnh Thanh Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng đi trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu đen, không rõ biển số do Đ điều khiển chở T ngồi phía sau. T và Đ đi từ nhà trọ của T tại Thành phố T, tỉnh Bình Dương để về quê của T ở xã P, huyện P, tỉnh An Giang chơi. Khi Đ và T lưu thông đến đường Q, tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An, đoạn trước nhà anh Nguyễn Chí T2 thì Đ nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria F150, biển số 62E1- 262.87, màu xanh của anh T2 đang đậu trên sân nhà, không có người trông giữ. Lúc này, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên rủ T cùng lấy trộm xe mô tô trên để sử dụng làm phương tiện đi lại, T đồng ý. Sau đó, Đ dừng xe mô tô trên lề lộ trước nhà anh T2, T bước xuống xe đi vào sân nhà của anh T2, lén lút lấy trộm xe mô tô dẫn ra lộ, T mở khóa xe mô tô để khởi động máy xe nhưng không mở được khóa xe nên Đ vừa điều khiển xe của Đ, vừa dùng chân đẩy xe mô tô vừa trộm được do T điều khiển lưu thông trên đường Quốc lộ N2 về hướng Thành phố Hồ Chí Minh. Khi lưu thông được một đoạn khoảng 01 km, Đ dừng xe mô tô lại bứt dây điện xe mô tô vừa trộm được, nối lại dây điện và khởi động nổ được máy xe. Sau đó, T điều

khắc xe mô tô vừa trộm được đến Thành phố T, tỉnh Bình Dương và sử dụng xe mô tô trộm được làm phương tiện đi lại hàng ngày. Đến ngày 25/9/2023, T bị Nguyễn Như Ý cưỡng đoạt lấy xe mô tô Satria F150, biển số 62E1- 262.87 của T đang sử dụng để cản trở số tiền nợ mà T đã thiếu Ý trước đó. Đến ngày 05/10/2023, T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô tại Thành phố T, tỉnh Bình Dương bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T, tỉnh Bình Dương bắt tạm giam cho đến nay. Qua điều tra Trần Văn T tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Chí T2 như đã nêu trên.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG ngày 14/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T. Kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, biển số 62E1- 262.87, màu sơn xanh, số khung: 11AZKJ213895, số máy: CGA1ID213894, có giá trị là 31.949.300 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKSTT, ngày 31/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo nhưng có đính chính lại một phần nội dung bản Cáo trạng về lý lịch của bị cáo, bản Cáo trạng có ghi “Tiền sự: Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 174/2019/QĐ-TA trong thời hạn 14 tháng, bị can chưa chấp hành xong Quyết định nên không được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính”. Nay đính chính lại: việc Tòa bị Tòa án nhân dân Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 174/2019/QĐ-TA ngày 18/11/2019, là về nhân thân của bị cáo vì bị cáo đang chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc thì đến ngày 29/6/2020 bị di lý về để xét xử và sau đó thi hành án phạt tù đối với Bản án hình sự số 60/2020/HSST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng trong vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, biển số 62E1- 262.87, màu sơn xanh, số khung: 11AZKJ213895, số máy: CGA1ID213894, là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Chí T2. Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho anh Nguyễn Chí T2 nên đại diện Viện kiểm sát không đề nghị.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt do đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bị cáo có văn bản thừa nhận hành vi “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do bị cáo có con nhỏ 10 tháng tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T, bị hại Nguyễn Chí T2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Mỹ D1 vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt bị cáo nhưng các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố và tại bản tự khai của bị cáo gửi cho Tòa án trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định được vào ngày 22/9/2023, tại Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An, Trần Văn T và 01 người thanh niên tên Huỳnh Thanh Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria F150, biển số 62E1- 262.87, màu xanh, số khung: 11AZKJ213895, số máy CGA1ID213894 trị giá 31.949.300 đồng của bị hại Nguyễn Chí T2.

Xét thấy, tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

.....”.

[4] Bị cáo Trần Văn T đã cùng Huỳnh Thanh Đ cùng thống nhất ý chí, là đồng phạm trong thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, giữa bị cáo và Đ không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò của từng người nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm tài sản thuộc quyền quản lý, sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự địa phương, an toàn xã hội, gây bức xúc trong nhân dân. Trong tình hình hiện nay, tội phạm “Trộm cắp tài sản” nói riêng và các tội phạm nói chung có chiều hướng gia tăng. Hành vi của bị cáo đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến phong trào đấu tranh, phòng chống tội phạm của địa phương. Do đó, hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm theo quy định của pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trên cơ sở xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo.

[5.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ Luật hình sự.

[5.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như văn bản trình bày ý kiến của bị cáo trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong văn bản trình bày ý kiến của bị cáo có thể hiện bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt do bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có con nhỏ 10 tháng tuổi. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định bị cáo chưa đăng ký kết hôn, không có đăng ký khai sinh thể hiện bị cáo có con. Do đó không có cơ sở xem xét đề nghị của bị cáo. Tuy nhiên, bị hại Nguyễn Chí T2 có văn bản nêu ý kiến và có đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo là người thực hành khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[5.4] Về nhân thân:

Tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Văn T không có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu do đã từng bị kết án và từng bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính: Ngày 29/5/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/02/2021, đã được xóa án tích; Ngày 18/11/2019, bị Tòa án nhân dân Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 174/2019/QĐ-TA trong thời hạn 14 tháng. Hiện nay bị cáo còn bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T, tỉnh Bình Dương khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự, hiện đang trong quá trình điều tra, chưa xét xử.

[6] Trên cơ sở những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành án xong và được xóa án tích nhưng sau đó không tiếp tục cố gắng lao động tạo ra thu nhập hợp pháp, chấp hành tốt pháp luật để trở thành người công dân tốt mà đã tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”. Do đó, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm đảm bảo răn đe, phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[7] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng căn cứ pháp luật, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định khoản 5 điều 173 BLHS, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy

bị cáo không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[9] Về vật chứng trong vụ án: tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SATRIA F150, biển số 62E1- 262.87, màu sơn xanh, số khung: 11AZKJ213895, số máy: CGA1ID213894. Kết quả điều tra xác định được xe mô tô nêu trên do Nguyễn Chí T2 chi tiền mua vào tháng 4/2020. Tuy nhiên, do anh T2 chưa làm căn cước công dân nên anh T2 đã nhờ chị Nguyễn Thị Mỹ D1 (em ruột của anh T2) đứng tên mua và đứng tên chứng nhận đăng xe, đến nay vẫn chưa làm thủ tục sang tên. Do đó, đây là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Chí T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho anh Nguyễn Chí T2 là đúng quy định pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi được tài sản và đã trả lại tài sản cho bị hại Nguyễn Chí T2. Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

[11] Đối với người thanh niên tên Huỳnh Văn Đ1 (không rõ nhân thân, lai lịch). Bị cáo T không biết nhân thân, lai lịch của Đ1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cũng không xác định được nhân thân, lai lịch của Đ1 nên không có cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự chung trong vụ án.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 38, 50 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Trần Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Công an huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh

